

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ
VI NA TA BA**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: Số 8, Đường Hoàng Hoa Thám, Phường 7, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

MỤC LỤC

Trang

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1 - 2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

3 - 4

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Bảng cân đối kế toán

5 - 6

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

7

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

8 - 9

Bản thuyết minh báo cáo tài chính

10 - 27

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: Số 8, Đường Hoàng Hoa Thám, Phường 7, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Vi Na Ta Ba (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Hoàng Đăng Tiến	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 05 tháng 04 năm 2019)
Ông Nguyễn Văn Hạnh	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 21 tháng 01 năm 2019)
Ông Lê Chí Long	Thành viên (bổ nhiệm ngày 11 tháng 05 năm 2019)
Ông Đỗ Anh Ngọc	Thành viên (bổ nhiệm ngày 20 tháng 08 năm 2019)
Ông Nguyễn Đức Thuận	Thành viên (từ nhiệm ngày 17 tháng 06 năm 2019)

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Đỗ Văn Chiến	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 11 tháng 05 năm 2019)
Bà Vũ Thị Mai Thủy	Trưởng ban (từ nhiệm ngày 23 tháng 01 năm 2019)
Ông Quảng Thanh Bình	Thành viên (bổ nhiệm ngày 20 tháng 08 năm 2019)
Bà Nguyễn Thị Dung	Thành viên (miễn nhiệm ngày 20 tháng 08 năm 2019)
Bà Nguyễn Thị Thu Bình	Thành viên (miễn nhiệm ngày 20 tháng 08 năm 2019)

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Đức Thuận	Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 08 năm 2019)
Ông Nguyễn Thế Tông	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 03 năm 2019)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Hội đồng quản trị được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: Số 8, Đường Hoàng Hoa Thám, Phường 7, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Hội đồng quản trị Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Hội đồng quản trị xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hội đồng quản trị Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng quản trị,



Hoàng Đăng Tiến

Chủ tịch Hội đồng quản trị

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2020

Số: 20.148/BCKT-RSM HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA****Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư VI NA TA BA (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 16 tháng 03 năm 2020 từ trang 05 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: Số 8, Đường Hoàng Hoa Thám, Phường 7, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		53.553.459.631	82.710.570.204
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	1.460.231.514	20.685.282.321
1. Tiền	111		460.231.514	3.114.840.464
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.000.000.000	17.570.441.857
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	51.973.006.036
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	28.237.793.251
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	(6.226.693.251)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	29.961.906.036
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		49.333.423.565	5.183.431.674
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		-	2.238.491.364
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		8.250.000	530.069.730
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.3	49.325.173.565	2.414.870.580
IV. Hàng tồn kho	140		-	1.994.396.659
1. Hàng tồn kho	141		-	1.996.445.933
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(2.049.274)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.759.804.552	2.874.453.514
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	2.181.358
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		30.792.677	143.260.281
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.7	2.729.011.875	2.729.011.875
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		65.029.256.023	27.362.505.639
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	15.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216		-	15.000.000
II. Tài sản cố định	220		861.367.029	1.609.325.568
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.4	861.367.029	1.609.325.568
Nguyên giá	222		1.565.802.500	3.485.104.142
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(704.435.471)	(1.875.778.574)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		95.000.000	95.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(95.000.000)	(95.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230	4.5	7.461.614.898	7.551.353.657
1. Nguyên giá	231		8.027.593.669	7.979.619.120
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(565.978.771)	(428.265.463)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		4.877.385.200	4.877.385.200
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.6	4.877.385.200	4.877.385.200
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.2	51.828.888.896	13.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		50.980.000.000	-
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		3.000.000.000	3.000.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.151.111.104)	-
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	10.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	309.441.214
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	309.441.214
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		118.582.715.654	110.073.075.843

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VINA TABA

Địa chỉ: Số 8, Đường Hoàng Hoa Thám, Phường 7, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.395.028.566	5.104.275.191
I. Nợ ngắn hạn	310		2.395.028.566	5.104.275.191
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311		443.441	1.117.458.892
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	55.636.952
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.7	6.406.250	41.088.526
4. Phải trả người lao động	314	4.8	78.869.000	409.776.578
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.9	398.185.718	594.449.289
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.10	1.910.895.000	2.354.101.096
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		229.157	531.763.858
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		116.187.687.088	104.968.800.652
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.11	116.187.687.088	104.968.800.652
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		114.000.000.000	114.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		114.000.000.000	114.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		497.638.934	497.638.934
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		472.910.044	472.910.044
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.217.138.110	(10.001.748.326)
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		(10.001.748.326)	133.511.852
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		11.218.886.436	(10.135.260.178)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		118.582.715.654	110.073.075.843



Phê duyệt

Hoàng Đăng Tiến

Chủ tịch Hội đồng quản trị

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2020

Người lập

Tiêu Thị Bích Trâm

Phụ trách Phòng Kế toán - Tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: Số 8, Đường Hoàng Hoa Thám, Phường 7, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2019	Năm 2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		4.772.262.614	15.578.783.185
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		749.397.391	1.180.995.792
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	5.1	4.022.865.223	14.397.787.393
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	3.942.405.998	14.105.438.520
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		80.459.225	292.348.873
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	12.386.075.236	4.413.122.688
7. Chi phí tài chính	22	5.4	(3.695.690.045)	6.244.600.998
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		-	8.778.082
8. Chi phí bán hàng	25	5.5	704.473.877	2.221.163.878
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	4.328.353.569	7.121.676.373
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11.129.397.060	(10.881.969.688)
11. Thu nhập khác	31		246.148.787	749.050.439
12. Chi phí khác	32		156.659.411	2.340.929
13. Lợi nhuận khác	40		89.489.376	746.709.510
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11.218.886.436	(10.135.260.178)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.8	-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		11.218.886.436	(10.135.260.178)
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.11.4	984	(889)
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.11.5	984	(889)



Phê duyệt

Hoàng Đăng Tiến

Chủ tịch Hội đồng quản trị

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2020

Người lập

Tiêu Thị Bích Trâm

Phụ trách Phòng Kế toán - Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2019	Năm 2018
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		11.218.886.436	(10.135.260.178)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.7	410.944.559	503.814.804
Các khoản dự phòng	03		(4.077.631.421)	6.228.742.525
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(12.658.233.077)	(4.413.122.688)
Chi phí lãi vay	06		-	8.778.082
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		(5.106.033.503)	(7.807.047.455)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		3.136.993.807	1.866.466.774
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.996.445.933	459.164.191
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(1.879.766.800)	(6.245.639.643)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		311.622.572	(222.520.124)
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		28.237.793.251	(17.244.828.501)
Tiền lãi vay đã trả	14		-	(8.778.082)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(531.534.701)	(873.769.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		26.165.520.559	(30.076.951.840)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(43.809.673)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		708.791.165	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(6.000.000.000)	(39.961.906.036)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		46.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(100.280.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	2.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		14.526.557.142	2.637.284.949
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(45.088.461.366)	(35.324.621.087)

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VINA TA BA

Địa chỉ: Số 8, Đường Hoàng Hoa Thám, Phường 7, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2019	Năm 2018
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(400.000.000)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(302.110.000)	(6.435.107.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(302.110.000)	(6.835.107.500)
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM	50		(19.225.050.807)	(72.236.680.427)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		20.685.282.321	92.921.962.748
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	4.1	1.460.231.514	20.685.282.321



Phê duyệt

Hoàng Đăng Tiến

Chủ tịch Hội đồng quản trị

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2020

Người lập

Tiêu Thị Bích Trâm

Phụ trách Phòng Kế toán - Tài chính



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư VI NA TA BA (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 4103006943 ngày 07 tháng 06 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305020995 ngày 19 tháng 08 năm 2019.

Ngày 26 tháng 04 năm 2017, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán tại Trung tâm giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội theo Quyết định số 215/QĐ-SGDHN ngày 30 tháng 03 năm 2017 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 115 tỷ đồng.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 8, Đường Hoàng Hoa Thám, Phường 7, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 05 (31/12/2019: 22 nhân viên).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh thương mại, dịch vụ.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Mua bán nguyên phụ liệu ngành thuốc lá, giấy, vật tư ngành in;
- Mua bán máy móc, thiết bị ngành thuốc lá, phụ tùng máy móc ngành thuốc lá;
- Kinh doanh vận chuyển hàng hóa bằng ô tô;
- Kinh doanh vận chuyển hàng hóa bằng tàu hỏa;
- Mua bán thuốc lá điều sản xuất trong nước;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Tư vấn đầu tư;
- Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán);
- Lập dự án đầu tư;
- Kinh doanh bất động sản (trừ dịch vụ môi giới, định giá, sàn giao dịch bất động sản);
- Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa (trừ tái chế phế thải, sản xuất bột giấy);
- Bán buôn thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở);
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Hội đồng quản trị phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Hội đồng quản trị, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

3.3. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, đối với các khoản đầu tư chứng khoán niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán trong nước và là chứng khoán mua bán tự do trên thị trường khi giá chứng khoán thực tế trên thị trường thấp hơn giá trị của khoản đầu tư chứng khoán đang hạch toán trên sổ kế toán, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư chứng khoán được trích lập để phản ánh khoản lỗ do tổn thất với mức tối đa bằng giá trị đầu tư thực tế đang hạch toán trên sổ kế toán để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản đầu tư không cao hơn giá trên thị trường.

Đối với các khoản đầu tư khác

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác được trích lập khi có cơ sở cho thấy có giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư của doanh nghiệp với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty được yêu cầu trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

3.4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

- Máy móc thiết bị 07 năm
- Phương tiện vận tải truyền dẫn 05 - 08 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý 03 - 08 năm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.5. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

Thời gian khấu hao ước tính cho phần mềm máy vi tính là 03 năm.

3.6. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm bất động sản như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 50 năm

3.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.8. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.9. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cho từng năm.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cho từng năm.

3.10. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Thu nhập đầu tư

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

3.11. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.12. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

3.13. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, chi phí dự phòng tổn thất đầu tư và chi phí tài chính khác.

3.14. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí nhân viên bán hàng; chi phí vật liệu, đồ dùng; chi phí khấu hao; chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng; chi phí đồ dùng văn phòng; chi phí khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

3.15. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo mức thuế suất 10%.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.18. Báo cáo bộ phận

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: Số 8, Đường Hoàng Hoa Thám, Phường 7, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

3.19. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Tiền mặt	192.094.125	530.422.953
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	268.137.389	2.584.417.511
Các khoản tương đương tiền (*)	1.000.000.000	17.570.441.857
Cộng	1.460.231.514	20.685.282.321

(*) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 01 tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Tây - Phòng giao dịch Chợ Lớn với lãi suất 4,5%/năm.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VINA TA BA

Địa chỉ: Số 8, Đường Hoàng Hoa Thám, Phường 7, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.2. Các khoản đầu tư tài chính**

	Tại ngày 31/12/2019		Tại ngày 01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty liên kết:				
Công ty Cổ phần Sản xuất Ứng dụng Công nghệ Cao Thái Sơn	43.000.000.000	(*)	-	-
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Long An	7.980.000.000	9.576.000.000	-	-
Cộng	50.980.000.000	(2.151.111.104)		

Đầu tư vào đơn vị khác:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt	3.000.000.000	(*)	-	(*)
---------------------------------------	---------------	-----	---	-----

Công ty đã xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Long An trên cơ sở giá niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ.

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: Số 8, Đường Hoàng Hoa Thám, Phường 7, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.3. Phải thu dài hạn khác**

	Tại ngày 31/12/2019		Tại ngày 01/01/2019	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu người lao động	3.000.000	-	-	-
Ký quỹ, ký cược	-	-	274.388.674	-
Đặt cọc mua cổ phần	49.322.173.565	-	-	-
Dự thu lãi tiền gửi, lãi trái phiếu	-	-	2.140.481.906	-
Cộng	49.325.173.565	-	2.414.870.580	-

4.4. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	
Nguyên giá:				
Tại ngày 01/01/2019	157.000.000	3.142.197.623	185.906.519	3.485.104.142
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.831.388.532)	(87.913.110)	(1.919.301.642)
Tại ngày 31/12/2019	157.000.000	1.310.809.091	97.993.409	1.565.802.500
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Tại ngày 01/01/2019	29.904.768	1.664.955.695	180.918.111	1.875.778.574
Khấu hao trong năm	22.428.576	245.814.267	4.988.408	273.231.251
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.356.661.244)	(87.913.110)	(1.444.574.354)
Tại ngày 31/12/2019	52.333.344	554.108.718	97.993.409	704.435.471
Giá trị còn lại:				
Tại ngày 01/01/2019	127.095.232	1.477.241.928	4.988.408	1.609.325.568
Tại ngày 31/12/2019	104.666.656	756.700.373	-	861.367.029

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 97.993.409 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: Số 8, Đường Hoàng Hoa Thám, Phường 7, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.5. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

Khoản mục	Tại ngày 01/01/2019 VND	Tăng trong năm VND	Tại ngày 31/12/2019 VND
<u>Bất động sản đầu tư cho thuê:</u>			
Nguyên giá: Nhà	7.979.619.120	47.974.549	8.027.593.669
Giá trị hao mòn lũy kế: Nhà	428.265.463	137.713.308	565.978.771
Giá trị còn lại: Nhà	7.551.353.657		7.461.614.898

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư để thuyết minh trong báo cáo tài chính do Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư có thể khác với giá trị ghi sổ.

4.6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Chi phí mua đất tại Khu 6B, Xã Bình Hưng, Huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh	4.793.750.000	4.793.750.000
Chi phí thiết kế văn phòng	83.635.200	83.635.200
Cộng	<u>4.877.385.200</u>	<u>4.877.385.200</u>

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: Số 8, Đường Hoàng Hoa Thám, Phường 7, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.7. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 31/12/2019		Trong năm		Tại ngày 01/01/2019	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	-	116.562.103	116.562.103	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.729.011.875	-	-	-	2.729.011.875	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	6.406.250	183.179.106	217.861.382	-	41.088.526
Các loại thuế khác	-	-	29.606.834	29.606.834	-	-
Cộng	2.729.011.875	6.406.250	329.348.043	364.030.319	2.729.011.875	41.088.526

4.8. Phải trả người lao động

Là quỹ lương năm 2019 còn phải trả cho người lao động.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: Số 8, Đường Hoàng Hoa Thám, Phường 7, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.9. Chi phí phải trả**

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Trích trước chi phí mua căn hộ Tây Nguyên Plaza	319.185.718	508.229.119
Các khoản trích trước khác	79.000.000	86.220.170
Cộng	398.185.718	594.449.289

4.10. Phải trả khác ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.910.895.000	2.213.005.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	141.096.096
Cộng	1.910.895.000	2.354.101.096

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: Số 8, Đường Hoàng Hoa Thám, Phường 7, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.11. Vốn chủ sở hữu****4.11.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				Cộng
	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư và phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2018	114.000.000.000	463.499.004	472.910.044	6.847.330.947	121.783.739.995
Lỗ trong năm trước	-	-	-	(10.135.260.178)	(10.135.260.178)
Trích quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	34.139.930	-	(34.139.930)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(409.679.165)	(409.679.165)
Chia cổ tức	-	-	-	(6.270.000.000)	(6.270.000.000)
Tại ngày 01/01/2019	114.000.000.000	497.638.934	472.910.044	(10.001.748.326)	104.968.800.652
Lãi trong năm nay	-	-	-	11.218.886.436	11.218.886.436
Tại ngày 31/12/2019	114.000.000.000	497.638.934	472.910.044	1.217.138.110	116.187.687.088

4.11.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019
	VND	VND
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Việt Cát	17.100.000.000	17.100.000.000
Các cổ đông khác	96.900.000.000	96.900.000.000
Cộng	114.000.000.000	114.000.000.000

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi số 0305020995 ngày 19 tháng 08 năm 2019, vốn điều lệ của Công ty là 115 tỷ đồng. Vốn thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 114 tỷ đồng, đạt 99,13% vốn điều lệ theo giấy phép.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: Số 8, Đường Hoàng Hoa Thám, Phường 7, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.11.3. Cổ phiếu**

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	11.500.000	11.500.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	11.400.000	11.400.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	11.400.000	11.400.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần.

4.11.4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty	11.218.886.436	(10.135.260.178)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lãi/(Lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	11.218.886.436	(10.135.260.178)
Số cổ phần phổ thông bình quân lưu hành trong năm	11.400.000	11.400.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	984	(889)

Đến ngày 31/12/2019, Đại hội cổ đông chưa quyết định tỷ lệ trích quỹ khen thưởng phúc lợi. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông thì lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi tương ứng.

4.11.5. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty	11.218.886.436	(10.135.260.178)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lãi/(Lỗ) để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	11.218.886.436	(10.135.260.178)
Số cổ phần phổ thông bình quân lưu hành trong năm	11.400.000	11.400.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	984	(889)

Đến ngày 31/12/2019, Đại hội cổ đông chưa quyết định tỷ lệ trích quỹ khen thưởng phúc lợi. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông thì lãi suy giảm trên cổ phiếu sẽ giảm đi tương ứng.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: Số 8, Đường Hoàng Hoa Thám, Phường 7, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH****5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu bán hàng	4.759.155.915	15.303.906.095
Doanh thu dịch vụ cho thuê	-	248.909.090
Doanh thu dịch vụ vận chuyển	13.106.699	25.968.000
Các khoản giảm trừ doanh thu	(749.397.391)	(1.180.995.792)
Cộng	<u>4.022.865.223</u>	<u>14.397.787.393</u>

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	3.931.345.343	14.005.311.392
Giá vốn dịch vụ cho thuê	-	68.856.654
Giá vốn của dịch vụ vận chuyển	13.109.929	29.221.200
Dự phòng/(Hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho	(2.049.274)	2.049.274
Cộng	<u>3.942.405.998</u>	<u>14.105.438.520</u>

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.157.989.557	1.817.947.703
Lãi đầu tư cổ phiếu, trái phiếu	10.227.156.575	2.219.835.730
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	366.797.000
Lãi tài khoản tiền gửi chứng khoán	929.104	8.542.255
Cộng	<u>12.386.075.236</u>	<u>4.413.122.688</u>

5.4. Chi phí tài chính

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chiết khấu thanh toán	57.156.990	-
Dự phòng/(Hoàn nhập) giảm giá chứng khoán kinh doanh	(6.226.693.251)	6.226.693.251
Dự phòng tổn thất đầu tư	2.151.111.104	-
Chi phí lãi vay	-	8.778.082
Chi phí khác	322.735.112	9.129.665
Cộng	<u>(3.695.690.045)</u>	<u>6.244.600.998</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: Số 8, Đường Hoàng Hoa Thám, Phường 7, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.5. Chi phí bán hàng**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	407.537.865	669.497.670
Chi phí vật liệu, đồ dùng	7.794.818	28.682.763
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	12.005.000	25.350.000
Chi phí khấu hao	105.302.523	234.054.540
Chi phí dịch vụ mua ngoài	69.317.379	147.772.976
Chi phí bằng tiền khác	102.516.292	1.115.805.929
Cộng	<u>704.473.877</u>	<u>2.221.163.878</u>

5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.076.608.828	4.727.627.367
Chi phí vật liệu văn phòng	48.134.006	117.395.481
Chi phí đồ dùng văn phòng	40.622.314	107.690.449
Chi phí khấu hao tài sản cố định	305.642.036	200.903.610
Thuế, phí và lệ phí	6.635.000	8.506.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.059.774.216	874.777.872
Chi phí bằng tiền khác	790.937.169	1.084.775.594
Cộng	<u>4.328.353.569</u>	<u>7.121.676.373</u>

5.7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	55.928.824	227.765.244
Chi phí nhân công	2.484.146.693	5.397.125.037
Chi phí khấu hao tài sản cố định	410.944.559	503.814.804
Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.049.274)	2.049.274
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.173.684.224	15.550.533.163
Chi phí bằng tiền khác	883.935.485	1.315.827.058
Cộng	<u>7.006.590.511</u>	<u>22.997.114.580</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: Số 8, Đường Hoàng Hoa Thám, Phường 7, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	11.218.886.436	(10.135.260.178)
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	1.347.229.662	268.743.082
Trừ: Lỗ được chuyển	(12.566.116.098)	-
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	-	(9.866.517.096)
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-

Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế.

6. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo đánh giá của Hội đồng quản trị Công ty, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động về những khác biệt về sản phẩm mà Công ty cung cấp, hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Cụ thể như sau:

- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là từ kinh doanh mua bán thuốc lá điều nên không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh;
- Bộ phận theo khu vực địa lý: Hoạt động của Công ty chủ yếu từ hoạt động bán thuốc lá cho thị trường trong nước, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

Do vậy, Công ty không có báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

1. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Nhân sự quản lý chủ chốt

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Thù lao và thu nhập của nhân sự quản lý chủ chốt	553.221.025	769.005.062

8. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tiền lương và các chi phí hoạt động	42.000.000	36.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VINA TA BA

Địa chỉ: Số 8, Đường Hoàng Hoa Thám, Phường 7, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

9. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

10. THÔNG TIN THUYẾT MINH KHÁC

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm nay giảm 10,8 tỷ đồng tương đương 69% so với năm trước, đồng thời số lượng nhân viên giảm từ 22 người xuống còn 5 người. Ngoài ra, kể từ quý 3/2019, Công ty đã ngừng hoạt động kinh doanh thuốc lá vì không có nguồn hàng phù hợp và hoạt động kinh doanh không hiệu quả. Hiện tại, Công ty đang tập trung tái cấu trúc, tìm kiếm chiến lược kinh doanh mới.

Phê duyệt



Hoàng Đăng Tiến

Chủ tịch Hội đồng quản trị

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2020

Người lập

Tiêu Thị Bích Trâm

Phụ trách Phòng Kế toán - Tài chính